

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (tiếp theo)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm được hiện tượng phát triển từ vựng của một ngôn ngữ bằng cách tăng số lượng từ ngữ nhờ :

- a) Tạo thêm từ ngữ mới.
- b) Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Đây là bài thứ hai về vấn đề sự phát triển của từ vựng, đề cập đến sự phát triển từ ngữ về lượng (khác với cách phát triển nghĩa là phát triển về chất).

2. Về việc tạo thêm từ ngữ, cần lưu ý là rất ít khi một từ ngữ mới mang một vỏ ngữ âm mới hoàn toàn mà thường là được hình thành trên cơ sở những yếu tố đã có sẵn và theo hai phương thức cấu tạo cơ bản là ghép và láy. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có phương thức ghép là có sức sản sinh cao, nói cách khác, các từ ngữ mới chủ yếu được hình thành theo cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau.

3. Đối với trường hợp mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài, cần giúp HS một mặt thấy rõ đó là cách thức tất yếu để phát triển từ vựng đối với tất cả các ngôn ngữ trên thế giới, từ đó tránh suy nghĩ mặc cảm là tiếng mẹ đẻ của chúng ta sử dụng nhiều từ ngữ vay mượn, mặt khác, có ý thức chọn lọc, cân nhắc khi sử dụng từ ngữ vay mượn, tránh lạm dụng.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

Bước 1. GV hướng dẫn HS tìm những từ ngữ mới được cấu tạo trong thời gian gần đây trên cơ sở các từ *điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, tri thức, đặc khu, trí tuệ* và giải thích nghĩa của những từ ngữ đó. Có thể xác định những từ ngữ sau :

– *Điện thoại di động* : điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.

– *Kinh tế tri thức* : nền kinh tế dựa chủ yếu vào việc sản xuất, lưu thông, phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.

– *Đặc khu kinh tế* : khu vực dành riêng để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài, với những chính sách ưu đãi.

– *Sở hữu trí tuệ* : quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ như quyền tác giả, quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,...

Bước 2. GV hướng dẫn HS tìm những từ ngữ mới được cấu tạo theo mô hình *x + tặc* như *không tặc, hải tặc*. Có thể dẫn những từ như :

– *Lâm tặc* : kẻ cướp tài nguyên rừng.

– *Tin tặc* : kẻ dùng kỹ thuật thâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác hoặc phá hoại.

Bước 3. Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 2

Bước 1. GV hướng dẫn HS tìm những từ Hán Việt trong hai đoạn trích.

Có những từ Hán Việt sau :

a) *thanh minh, tiết, lẽ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yên anh, bộ hành, xuân, tài tử, gai nhân.*

b) *bạc mệnh, duyên, phận, thân, linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc* (không kể tên riêng trong đoạn trích).

Bước 2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mục II.2 (SGK) : Những từ nào dùng để chỉ những khái niệm nêu ra ở điểm (a) và (b) ? Những từ đó có nguồn gốc từ đâu ?

AIDS (ét) (a) và *ma-kết-tинг* (*maketing*; tiếng Anh : *marketing*) (b) là những từ mượn của tiếng nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, mượn từ của tiếng nước ngoài, đặc biệt là các thuật ngữ chuyên môn, để biểu thị những khái niệm mới xuất hiện trong đời sống là cách thức tốt nhất. Ở các tài liệu chuyên môn dành cho người đọc có trình độ học vấn cao, từ mượn được viết nguyên dạng như trong tiếng nước ngoài hoặc được phiên âm, chuyển tự sang chữ quốc ngữ, giữa các tiếng không cần có gạch nối. Còn ở sách báo dành cho bạn đọc rộng rãi, người ta thường phiên âm từ mượn và đặt dấu gạch nối giữa các tiếng cùng một bộ phận cấu tạo từ cho dễ đọc. So sánh :

- Viết nguyên dạng : *marketing* (tiếng Anh).
- Phiên âm trong tài liệu chuyên môn : *maketing*.
- Phiên âm trong tài liệu thông thường : *ma-kết-tính*.

Bước 3 : Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc to phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 3

Hướng dẫn HS làm bài tập.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. GV có thể chọn hai mô hình có khả năng tạo ra những từ ngữ mới trong số những mô hình sau :

x + trường : *chiến trường, công trường, nông trường, ngữ trường, thương trường...*

x + hoá : *ôxi (ôxi) hoá, lão hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá, công nghiệp hoá, thương mại hoá...*

x + điện tử : *thư điện tử, thương mại điện tử, giáo dục điện tử, chính phủ điện tử...*

Bài tập 2. GV có thể chọn năm từ ngữ mới trong số những từ ngữ sau đây :

- *Bàn tay vàng* : bàn tay tài giỏi, khéo léo hiếm có trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc kĩ thuật nhất định.
- *Cầu truyền hình* : hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống *ca-mê-ra (camera)* giữa các địa điểm cách xa nhau.
- *Cơm bụi* : cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán nhỏ, tạm bợ.
- *Công nghệ cao* : công nghệ dựa trên cơ sở khoa học kĩ thuật hiện đại, có độ chính xác và hiệu quả kinh tế cao.
- *Công viên nước* : công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như trượt nước, bơi thuyền, tắm biển nhân tạo....
- *Đa dạng sinh học* : phong phú, đa dạng về nguồn gen, về giống loài sinh vật trong tự nhiên.
- *Đường cao tốc* : đường xây dựng theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho các loại xe cơ giới chạy với tốc độ cao (khoảng từ 100 km/h trở lên).
- *Đường vành đai* : đường bao quanh, giúp cho những phương tiện vận tải có thể đi vòng qua để đến một địa phương khác mà không đi vào bên trong thành phố, nhằm giải tỏa giao thông thành phố.
- *Hiệp định khung* : hiệp định có tính chất nguyên tắc chung về một vấn đề lớn, được ký kết thường là giữa hai nước, có thể dựa vào đó để triển khai và ký kết những vấn đề cụ thể.
- *Thương hiệu* : nhãn hiệu thương mại (nhãn hiệu của hàng hoá của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

Bài tập 3. Từ mượn của tiếng Hán : *māng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ*.

Từ mượn của các ngôn ngữ châu Âu : *xà phòng, ô tô, ra-di-ô, ô xi, cà phê, ca nô*.

Bài tập 4. Những cách phát triển từ vựng : phát triển về nghĩa từ ngữ và phát triển về số lượng từ ngữ. Sự phát triển về số lượng từ ngữ có thể diễn ra bằng hai cách : tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

Thảo luận vấn đề : Từ vựng của một ngôn ngữ có thể không thay đổi được không ?

Cần khẳng định ngay là từ vựng của một ngôn ngữ không thể không thay đổi. Thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh chúng ta luôn luôn vận động và

phát triển. Nhận thức về thế giới của con người cũng vận động và phát triển theo. Nếu từ vựng của một ngôn ngữ không thay đổi thì ngôn ngữ đó không thể đáp ứng được nhu cầu giao tiếp và nhận thức của người bản ngữ. GV có thể đưa những ví dụ cụ thể. Chẳng hạn khi trong đời sống của người Việt Nam xuất hiện loại phương tiện đi lại có hai bánh, chạy bằng động cơ thì tiếng Việt phải có từ ngữ để biểu thị : *xe gắn máy* (cấu tạo từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố đã có của tiếng Việt).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO (xem trang 57)